

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2024/HSST
Ngày: 27/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thắng và Đỗ Hồng Tuyên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuỷ – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXX-HS ngày 22 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T**, tên gọi khác: không, giới tính: nam; Sinh ngày: 16/11/1994, tại huyện V, thành phố H; Nơi cư trú: thôn x, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng, Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không, trình độ học vấn: 10/12, nghề nghiệp: lao động tự do, căn cước công dân số: 031094XXXXXX. Con ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968, nghề nghiệp: lao động tự do, trú tại thôn x, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt tại phiên tòa*

2. **Nguyễn Văn Gi**, tên gọi khác: không, giới tính: nam; Sinh ngày: 04/4/1991, tại huyện Th, thành phố Hải Phòng, Nơi cư trú: thôn x, xã Q, huyện Th, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không, trình độ học vấn: 10/12, nghề nghiệp: lao động tự do, căn cước công dân số: 031091XXXXXX. Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1960 và bà Đặng Thị H, sinh năm 1962, nghề nghiệp: lao động tự do, trú tại thôn x, xã Q, huyện Th, thành phố Hải Phòng. Họ tên vợ: Đỗ Thị H, sinh năm 1995, nghề nghiệp: lao động tự do, trú tại xã K, huyện Th, thành phố Hải Phòng (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019).

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 16/12/2023, đến ngày 17/3/2024 được thay đổi bằng biện pháp “Bảo lĩnh” – *Có mặt tại phiên toà*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1967 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: TDP số 3, thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

- Anh Phan Hồng Th, sinh năm 1987 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Phụ Thành, xã Đông Trà, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

- Anh Chu Văn Ph, sinh năm 1986 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn Thành Long, xã Đông Trà, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

- Anh Tạ Thanh T, sinh năm 1989 – *Có đơn xin vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Lương Phú, xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

- Chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1979 – *Có đơn xin vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Vũ Xá, xã Đông Phong, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

- Chị Vi Thị ET, sinh năm 1989 – *Có đơn xin vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Đoài, xã Vân Trường, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

- Chị Phan Thị Nh, sinh năm 1985 – *Có đơn xin vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Định Cư Đông, xã Đông Trà, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

- Anh Nguyễn Tử L, sinh năm 1993 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Cao Bạt E, xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

- Chị Đặng Thị Th, sinh năm 1975 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Bạch Long, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1970 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Mỹ Đức, xã Đông Trung, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

- Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1992 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: Xóm 1, xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

- - Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1982 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn M Châu, xã Đông M, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

- - Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1976 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: tổ 22, Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Anh Phạm Đắc M, sinh năm 1993 – *Có đơn xin vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Tân Phúc, xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

- Chị Trần Thị L, sinh năm 1980 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Phúc Tân, xã Thuần Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

- Chị Đoàn Thị S, sinh năm 1988 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Lương Điền, xã Đông Cơ, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

- Anh Đặng M T, sinh năm 1975 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Thanh Đông, xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

- Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1972 – *Có đơn xin vắng mặt*

Địa chỉ: thôn M Châu, xã Đông M, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

- Anh Đinh Văn Nh, sinh năm 1966 – *Có đơn xin vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Đông Thịnh, xã Thái Thịnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

- Chị Vũ Thị K, sinh năm 1975 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Lục Nam, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

- Chị Đào Thị D, sinh năm 1984 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Lục Nam, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

- Anh Nguyễn Viết Tr, sinh năm 2000 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Thanh Lương, xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy, Thái Bình

- Chị Tô Thị Hồng T, sinh năm 1983 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: TDP Tây Sơn, thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn T không có giấy phép trong lĩnh vực kinh doanh cho vay, tín dụng. Tháng 4/2023, T nảy sinh ý định cho vay tiền, thu lãi suất cao. T thuê bị cáo Nguyễn Văn Gi đến địa bàn tỉnh Thái Bình quảng cáo, liên hệ, tìm người cần vay tiền báo cho T; nếu được T đồng ý cho vay tiền, Gi theo dõi, đôn đốc người vay trả tiền nợ gốc cho T. T đưa cho Gi sử dụng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, lắp sim số 0355.067.266 để liên lạc; trả cho Gi 12.000.000 đồng/tháng (bao gồm: tiền công 8.000.000 đồng/tháng, phí sinh hoạt và thuê nhà trọ ở xã H An, huyện Thái Thụy là 4.000.000 đồng/tháng). Gi in giấy có nội dung quảng cáo cho vay tiền, kèm số điện thoại liên hệ “0355.067.266” rồi dán lên các cột điện ven đường ở 2 huyện Thái Thụy và Tiền Hải. Khi có người gọi đến số điện thoại “0355.067.266” hỏi vay tiền, Gi xưng tên là “Hà” nhằm che giấu tên thật của mình, yêu cầu người vay gửi địa chỉ chỗ ở để Gi đến gặp, kiểm tra giấy tờ cá nhân (căn cước công dân hoặc chứng M thư nhân dân hoặc bằng lái xe hoặc giấy khai sinh), thống nhất số tiền vay, tiền lãi, số tài khoản ngân hàng. Sau đó Gi gọi điện thoại cho T báo về thông tin cá nhân của người vay, số tiền vay để T quyết định việc cho vay tiền. T chuyển tiền cho người vay bằng hình thức chuyển khoản, từ tài khoản số 0902633235 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công

Thương Việt Nam (Ngân hàng Viettinbank) hoặc tài khoản số 19050015425014 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Ngân hàng Techcombank), mang tên Nguyễn Văn S, địa chỉ: U18 Lam Sơn, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đến tài khoản của người vay. Sau đó T thông báo lại cho Gi biết đã chuyển tiền cho người vay, số tiền vay, số tiền người vay phải trả hằng ngày để Gi đơn đốc việc trả nợ. T và Gi thống nhất cho vay tiền dưới hình thức đóng bắt họ (trả góp theo ngày), thời hạn vay từ 30 đến 50 ngày, lãi suất từ 4.000 đồng đến 6.243 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với mức lãi suất từ 146 đến 227,9%/năm); lãi thu 01 lần, trừ vào số tiền vay ban đầu. Hằng ngày người vay phải trả góp tiền nợ gốc bằng cách chuyển khoản đến 1 trong 2 tài khoản trên của T hoặc chuyển khoản đến tài khoản số 9110191929999 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng MBbank) của Gi hoặc trả tiền mặt cho Gi để Gi đưa lại cho T. Gi lưu số điện thoại của người vay tiền trong danh bạ điện thoại di động Nokia (điện thoại T đưa cho Gi) và trong danh bạ điện thoại di động Iphone XS Max của Gi để theo dõi, đơn đốc việc trả nợ; nếu người vay chậm trả tiền nợ gốc thì Gi đến nhà hoặc gọi điện thoại để nhắc, đơn đốc trả nợ.

Từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2023, các bị cáo T và Gi đã cho 23 người trên địa bàn huyện Thái Thụy, Tiền Hải, Kiến Xương và thành phố Thái Bình vay tổng số tiền là 1.076.700.000 đồng, thu tổng số tiền lãi là 215.400.000 đồng và các loại phí khác: phạt chậm trả nợ gốc là 950.000 đồng, phí thu tiền (đơn đốc trả nợ) là 9.100.000 đồng. Tổng số tiền lãi và phí đã thu lãi của người vay là 225.450.000 đồng, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 29.285.863 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 196.164.137 đồng. T đã trả cho Gi 07 tháng với số tiền là 84.000.000 đồng (bao gồm tiền công, tiền thuê nhà trọ và phí sinh hoạt). Cụ thể các khoản cho vay như sau:

1. Các bị cáo cho bà Lê Thị H, sinh năm 1967, tổ dân phố số 3, thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải vay 02 lần.

Ngày 01/11/2023, T và Gi cho bà H vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày; thu 4.200.000 đồng, gồm: 200.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 4.000.000 đồng tiền lãi. Mỗi ngày bà H phải trả 400.000 đồng tiền nợ gốc và đã trả góp đủ tiền nợ gốc của khoản vay này.

Ngày 07/11/2023, T và Gi cho bà H vay 12.500.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày; thu 2.600.000 đồng, gồm 100.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 2.500.000 đồng tiền lãi. Mỗi ngày bà H phải trả 250.000 đồng tiền nợ gốc, đã trả được 30 ngày với số tiền là 7.500.000 đồng, còn nợ 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền T và Gi đã cho bà H vay là 32.500.000 đồng, thu 6.800.000 đồng (gồm 300.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 6.500.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền

tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 890.411 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.909.589 đồng. Bà H đã trả góp tiền nợ gốc được 27.500.000 đồng, còn nợ 5.000.000 đồng.

2. Đầu tháng 9/2023, các bị cáo T và Gi cho anh Phan Hồng Th, sinh năm 1987, trú tại thôn Phú Thành, xã Đông Trà, huyện Tiền Hải vay 12.500.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày; thu 2.600.000 đồng (gồm 100.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 2.500.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 342.466 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.257.534 đồng. Mỗi ngày anh Thanh phải trả 250.000 đồng tiền nợ gốc và đã trả góp đủ tiền nợ gốc của khoản vay này.

3. Các bị cáo T và Gi cho anh Chu Văn Ph, sinh năm 1986, trú tại thôn Thành Long, xã Đông Trà, huyện Tiền Hải vay 02 lần (đầu tháng 11/2023 và ngày 20/11/2023), mỗi lần 17.500.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, thu 3.650.000 đồng/lần (gồm 150.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 3.500.000 đồng tiền lãi) và thu thêm 1.000.000 đồng tiền đặt cọc (nếu anh Ph trả đủ tiền nợ gốc thì T sẽ trả lại cho anh Ph số tiền đặt cọc).

Tổng số tiền T và Gi đã cho anh Ph vay là 35.000.000 đồng, thu 7.300.000 đồng (gồm 300.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 7.000.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 958.904 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.341.096 đồng. Anh Ph đã trả góp tiền nợ gốc được 23.800.000 đồng, còn nợ 11.200.000 đồng. T đang giữ của anh Ph 1.000.000 đồng tiền đặt cọc của khoản vay thứ hai.

4. Các bị cáo T và Gi cho chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1979, trú tại thôn Vũ Xá, xã Đông Phong, huyện Tiền Hải vay 3 lần (ngày 12/6/2023, tháng 7/2023 và tháng 9/2023), mỗi lần 15.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, thu 3.150.000 đồng/lần (gồm 150.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 3.000.000 đồng tiền lãi) và thu thêm 300.000 đồng tiền đặt cọc.

Tổng số tiền T và Gi đã cho chị Nh vay là 45.000.000 đồng, thu 9.450.000 đồng (gồm 450.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 9.000.000 đồng tiền tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.232.877 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 8.217.123 đồng. Chị Nh đã trả góp tiền nợ gốc được 43.500.000 đồng, còn nợ 1.500.000 đồng. T đang giữ của chị Nh 300.000 đồng tiền đặt cọc của khoản vay thứ ba.

5. Các bị cáo T và Gi cho chị Vũ Thị ET, sinh năm 1989, trú tại thôn Đoài, xã Vân Trường, huyện Tiền Hải vay 2 lần (đầu tháng 10/2023 và cuối tháng 10/2023), mỗi lần 12.500.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, thu 2.650.000 đồng/lần (gồm 150.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 2.500.000 đồng tiền lãi).

Tổng số tiền T và Gi đã cho chị T vay là 25.000.000 đồng, thu 5.300.000 đồng (gồm 300.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 5.000.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 684.932 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.615.068 đồng. Chị T đã trả góp đủ tiền nợ gốc của 2 khoản vay này.

6. Các bị cáo T và Gi cho chị Phan Thị Nh, sinh năm 1985, trú tại thôn Định Cư Đông, xã Đông Trà, huyện Tiền Hải vay 2 lần (đầu tháng 10/2023 và tháng 11/2023), mỗi lần 25.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, thu 5.200.000 đồng/lần (gồm 200.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 5.000.000 đồng tiền lãi). Tổng số tiền T và Gi đã cho chị Nhàn vay là 50.000.000 đồng, thu 10.400.000 đồng (gồm 400.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 10.000.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.369.864 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 9.030.136 đồng. Chị Nhàn đã trả góp đủ tiền nợ gốc của 2 khoản vay này.

7. Các bị cáo T và Gi cho chị Đặng Thị Th, sinh năm 1975, trú tại thôn Bạch Long, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải vay 9 lần (các ngày: 09/4/2023, 08/5/2023, 01/6/2023, 24/6/2023, 26/7/2023, 22/8/2023, 16/9/2023, 12/10/2023 và 17/11/2023), trong đó 8 lần đầu, mỗi lần cho vay 17.500.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, thu 3.650.000 đồng/lần (gồm 150.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 3.500.000 đồng tiền lãi); lần cuối cho vay 15.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, thu 3.150.000 đồng (gồm 150.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 3.000.000 đồng tiền lãi) và phạt cọc 350.000 đồng (do chậm trả nợ ở lần vay thứ tám), đang giữ 300.000 đồng tiền đặt cọc của khoản vay thứ chín.

Tổng số tiền T và Gi đã cho chị Th vay là 155.000.000 đồng, thu 32.700.000 đồng (gồm 1.350.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 31.000.000 đồng tiền lãi, 350.000 đồng tiền phạt do chậm trả nợ ở khoản vay thứ tám), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 4.246.575 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 28.453.425 đồng. Chị Th đã trả góp tiền nợ gốc được 145.100.000 đồng, còn nợ 9.900.000 đồng. T đang giữ của chị Th 300.000 đồng tiền đặt cọc của khoản vay thứ chín.

8. Các bị cáo T và Gi cho anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1970, trú tại thôn Mỹ Đức, xã Đông Trung, huyện Tiền Hải vay 7 lần (các ngày: 20/4/2023, 22/5/2023, 19/6/2023, 21/7/2023, 22/8/2023, 19/9/2023 và 20/10/2023), trong đó 6 lần đầu, mỗi lần cho vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, thu 6.300.000 đồng/lần (gồm 300.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 6.000.000 đồng tiền lãi); lần cuối cho vay 25.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, thu 5.200.000 đồng (gồm 200.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 5.000.000 đồng tiền lãi) và phạt cọc 600.000 đồng (do chậm trả nợ ở lần vay thứ sáu), đang giữ 500.000 đồng tiền đặt cọc của khoản vay thứ bảy.

Tổng số tiền T và Gi đã cho anh D vay là 205.000.000 đồng, thu 43.600.000 đồng (gồm 2.000.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 41.000.000 đồng tiền lãi, 600.000 đồng tiền phạt do chậm trả nợ ở khoản vay thứ sáu), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 5.616.438 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 37.983.562 đồng. Anh D đã trả góp tiền nợ gốc được 201.000.000 đồng, còn nợ 4.000.000 đồng. T đang giữ của anh D 500.000 đồng tiền đặt cọc của khoản vay thứ bảy.

9. Đầu tháng 11/2023, các bị cáo T và Gi cho chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1994, trú tại xóm 1, xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày; thu 6.250.000 đồng (gồm 250.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 6.000.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 821.918 đồng, số tiền thu lợi bấtchính là 5.428.082 đồng. Mỗi ngày chị Trang phải trả 600.000 đồng tiền nợ trả được 49 ngày với số tiền là 29.400.000 đồng, còn nợ 600.000 đồng.

10. Các bị cáo T và Gi cho chị Đoàn Thị H, sinh năm 1982, trú tại thôn M Châu, xã Đông M, huyện Tiền Hải vay 9 lần (các ngày: 10/4/2023, 01/5/2023, 01/6/2023, 26/6/2023, 15/7/2023, 05/9/2023, 26/9/2023, 23/10/2023, 19/11/2023), trong đó 7 lần đầu, mỗi lần cho vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, thu 4.200.000 đồng/lần (gồm 200.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 4.000.000 đồng tiền lãi); 02 lần cuối cho vay 25.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, thu 5.200.000 đồng/lần (gồm 200.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 5.000.000 đồng tiền lãi), đang giữ 500.000 đồng tiền đặt cọc của khoản vay thứ chín.

Tổng số tiền T và Gi đã cho chị H vay là 190.000.000 đồng; thu 39.800.000 đồng (gồm 1.800.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 38.000.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 5.205.479 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 34.594.521 đồng. Chị H đã trả góp tiền nợ gốc được 175.000.000 đồng, còn nợ 15.000.000 đồng. T đang giữ của chị H 500.000 đồng tiền đặt cọc của khoản vay thứ chín.

11. Khoảng tháng 10/2023, các bị cáo T và Gi cho anh Tạ Thanh T, sinh năm 1989, trú tại thôn Lương Phú, xã Tây Lương, huyện Tiền Hải vay 8.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày; thu 1.700.000 đồng (gồm 100.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 1.600.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 175.342 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.524.658 đồng. Mỗi ngày anh T phải trả 200.000 đồng tiền nợ gốc và anh T đã trả góp đủ tiền nợ gốc của khoản vay này.

12. Khoảng tháng 9/2023, các bị cáo T và Gi cho chị Đoàn Thị S, sinh năm 1988, trú tại xóm 2 thôn Lương Điền, xã Đông Cơ, huyện Tiền Hải vay 10.000.000 đồng, thời

hạn vay 50 ngày; thu 2.600.000 đồng (gồm 100.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 2.500.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất tính theo 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 273.973 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.326.027 đồng. Mỗi ngày chị Sen phải trả 200.000 đồng tiền nợ gốc và đã trả góp đủ tiền nợ gốc của khoản vay này.

13. Khoảng tháng 7/2023, các bị cáo T và Gi cho anh Đặng M T, sinh năm 1975, trú tại xóm 10, thôn Thanh Đông, xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải vay 15.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày; thu 3.100.000 đồng (gồm 100.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 3.000.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 410.959 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.689.041 đồng. Mỗi ngày anh Tiến phải trả 300.000 đồng nợ gốc và đã trả góp đủ tiền nợ gốc của khoản vay này.

14. Khoảng tháng 8/2023, các bị cáo T và Gi cho anh Vú Văn Q, sinh năm 1972, trú tại thôn M Châu xã Đông M, huyện Tiền Hải vay 25.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày; thu 5.200.000 đồng (gồm 200.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 5.000.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 684.932 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.515.068 đồng. Mỗi ngày anh Quân phải trả 500.000 đồng tiền nợ gốc và đã trả góp đủ tiền nợ gốc của khoản vay này.

15. Khoảng tháng 8/2023, các bị cáo T và Gi cho chị Tô Thị Hồng T, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố Tây Sơn, thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày; thu 6.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 821.918 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.178.082 đồng. Mỗi ngày chị Tuyết phải trả 600.000 đồng tiền nợ gốc và đã trả góp đủ tiền nợ gốc của khoản vay này.

16. Các bị cáo T và Gi cho anh Phạm Đắc M, sinh năm 1993, trú tại thôn Tân Phúc, xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy vay 3 lần (tháng 10/2023, tháng 11/2023, tháng 12/2023), trong đó có 2 lần cho vay 17.500.000 đồng/lần, thời hạn vay 50 ngày, thu 3.700.000 đồng/lần (gồm 150.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 3.500.000 đồng tiền lãi); 1 lần cho vay 6.200.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày, thu 1.350.000 đồng (gồm 150.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 1.200.000 đồng tiền lãi).

Tổng số tiền T và Gi đã cho anh M vay là 41.200.000 đồng, thu 8.650.000 đồng (gồm 450.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 8.200.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.064.219 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 7.585.781 đồng. Anh M đã trả góp đủ tiền nợ gốc của 3 khoản vay này.

17. Khoảng tháng 10/2022, các bị cáo T và Gi cho chị Trần Thị L, sinh năm 1980, trú tại thôn Phúc Tân, xã Thuần Thành, huyện Thái Thụy vay 10.000.000 đồng,

thời hạn vay 50 ngày; thu 2.100.000 đồng (gồm 100.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 2.000.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 273.973 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.826.027 đồng. Mỗi ngày chị Lơ phải trả 200.000 đồng tiền nợ gốc và đã trả góp đủ tiền nợ gốc của khoản vay này.

18. Khoảng tháng 9/2023, các bị cáo T và Gi cho anh Đinh Văn Nh, sinh năm 1966, trú tại thôn Đông Thịnh, xã Thái Thịnh, huyện Thái Thụy vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày; thu 1.700.000 đồng (gồm 100.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 1.600.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.480.822 đồng. Mỗi ngày anh Nhân phải trả 250.000 đồng tiền nợ gốc, đã trả được 39 ngày với số tiền là 9.750.000 đồng, còn nợ 250.000 đồng. T đang giữ của anh Nhân 100.000 đồng tiền đặt cọc của khoản vay này.

19. Khoảng tháng 9/2023, các bị cáo T và Gi cho chị Vũ Thị K, sinh năm 1975, trú tại thôn Lục Nam, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy vay 15.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày; thu 3.150.000 đồng (gồm 150.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 3.000.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 410.959 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.739.041 đồng. Mỗi ngày chị Kiều phải trả 300.000 đồng tiền nợ gốc và đã trả góp đủ tiền nợ gốc của khoản vay này.

20. Các bị cáo T và Gi cho chị Đào Thị D, sinh năm 1984, trú tại thôn Lục Nam, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy vay 2 lần (tháng 10/2023, tháng 11/2023), mỗi lần 10.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, thu 2.100.000 đồng/lần (gồm 100.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 2.000.000 đồng tiền lãi).

Tổng số tiền T và Gi đã cho chị Dinh vay là 20.000.000 đồng; thu 4.200.000 đồng (gồm 200.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 4.000.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 438.365 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.761.635 đồng. Chị Dinh đã trả góp tiền nợ gốc được 15.000.000 đồng, còn nợ 5.000.000 đồng. T đang giữ của chị Dinh 500.000 đồng tiền đặt cọc của khoản vay thứ hai.

21. Các bị cáo T và Gi cho anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 2000, trú tại thôn Thanh Lương, xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy vay 2 lần (tháng 7/2023, tháng 8/2023), mỗi lần 12.500.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, thu 2.600.000 đồng/lần (gồm 100.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 2.500.000 đồng tiền lãi).

Tổng số tiền T và Gi đã cho anh Tr vay là 25.000.000 đồng; thu 5.200.000 đồng (gồm 200.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 5.000.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 384.932

đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.515.068 đồng. Anh Tr đã trả góp tiền nợ gốc được 18.000.000 đồng, còn nợ 7.000.000 đồng. T đang giữ của anh Tr 250.000 đồng tiền đặt cọc của khoản vay thứ hai.

22. Các bị cáo T và Gi cho anh Nguyễn Tử L, sinh năm 1993, trú tại thôn Cao Bạt E, xã Nam Cao, huyện Kiến Xương vay 6 lần (tháng 6/2023, tháng 7/2023, tháng 8/2023, tháng 9/2023, tháng 10/2023, tháng 11/2023), mỗi lần 12.500.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, thu 2.500.000 đồng tiền lãi/lần.

Tổng số tiền T và Gi đã cho anh L vay là 75.000.000 đồng; thu 15.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 2.054.796 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 12.945.204 đồng. Anh L đã trả góp đủ tiền nợ gốc của 6 khoản vay này.

23. Khoảng tháng 10/2023, các bị cáo T và Gi cho anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1976, trú tại thôn Mỹ Đức, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình vay 12.500.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày; thu 2.650.000 đồng (gồm 150.000 đồng phí thu tiền hằng ngày, 2.500.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 342.466 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.307.534 đồng. Mỗi ngày anh Khiêm phải trả 250.000 đồng tiền nợ gốc, đã trả được 30 ngày với số tiền là 7.500.000 đồng, còn nợ 5.000.000 đồng. T đang giữ của anh Khiêm 250.000 đồng tiền đặt cọc của khoản vay này.

Cáo trạng số 70/CT-VKSTT ngày 19/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Gi về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Gi phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Về hình phạt, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án; Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước;

- Đề nghị Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Gi từ 9 tháng đến 1 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giam, giữ; Phạt bổ sung đối với Nguyễn Văn Gi từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình áp dụng biện pháp tư pháp: Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền gốc hai bị cáo Nguyễn

Văn T và Nguyễn Văn Gi đã dùng để cho vay là 1.076.700.000 đồng, trong đó số tiền gốc bị cáo Nguyễn Văn Gi đã thu về là 1.015.950.000 đồng; số tiền gốc những người vay còn đang giữ là 60.750.000 đồng gồm: Bà Lê Thị H 5.000.000 đồng, anh Chu Văn Ph 11.200.000 đồng trừ 1.000.000 đồng tiền cọc do bị cáo còn giữ nên còn phải nộp 10.200.000 đồng; chị Phạm Thị Nh 1.500.000 đồng trừ 300.000 đồng tiền cọc do bị cáo còn giữ nên chị Nh còn phải nộp 1.200.000 đồng, chị Đặng Thị Th 9.900.000 đồng do bị cáo T còn giữ 300.000 đồng cọc nên chị Th còn phải nộp 9.600.000 đồng; anh Nguyễn Văn D 4.000.000 đồng do bị cáo T còn giữ 500.000 đồng tiền cọc nên anh D còn phải nộp 3.500.000 đồng; chị Nguyễn Thị Tr 600.000 đồng, chị Đoàn Thị H 15.000.000 đồng do bị cáo T còn giữ 500.000 cọc nên chị Hoà còn phải nộp 14.500.000 đồng; anh Đinh Văn Nh 250.000 đồng do bị cáo T còn giữ 100.000 đồng cọc nên anh Nhân còn phải nộp 150.000 đồng; chị Đào Thị D 5.000.000 do bị cáo T còn giữ 500.000 đồng cọc nên chị Dinh còn phải nộp 4.500.000 đồng; anh Nguyễn Văn Tr 7.000.000 đồng do bị cáo T còn giữ 250.000 đồng cọc nên anh Tr còn phải nộp 6.750.000 đồng; anh Nguyễn Văn Kh 5.000.000 đồng do bị cáo T còn giữ 250.000 đồng cọc nên anh Khiêm còn phải nộp 4.750.000 đồng; Do số tiền gốc bị cáo Nguyễn Văn Gi thu về đã giao lại T bộ cho bị cáo Nguyễn Văn T, còn 550.000 đồng bị cáo Gi nộp cho cơ quan điều tra quản lý vật chứng, nên bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp số tiền 1.015.400.000 đồng gốc; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà hai bị cáo đã thu của người vay tiền (tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm): 29.225.866 đồng; số tiền này hai bị cáo cũng xác định bị cáo Nguyễn Văn T đã quản lý nên bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền 29.225.866 đồng; Buộc hai bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính và các khoản phí đã thu của những người vay tiền 196.224.124 đồng. Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị tuyên buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng; Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước Số tiền 550.000 đồng (06 tờ tiền, gồm: 05 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng). Bị cáo Gi khai đây là tiền của anh Đinh Văn Nh, chị Trần Thị L trả góp tiền nợ gốc. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc nhãn hiệu Nokia, lắp sim số 0355.067.266; 01 chiếc nhãn hiệu Iphone XS Max, lắp sim số 0347138883) là hai điện thoại bị cáo Nguyễn Văn Gi sử dụng 02 chiếc điện thoại này để liên lạc cho vay tiền. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Gi 01 thẻ Ngân hàng Mbbank, số thẻ 9704222057718363 của bị cáo Nguyễn Văn Gi.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Gi đều khai nhận do hám lợi nên bị cáo Nguyễn Văn T là người cung cấp nguồn tiền, bị cáo Nguyễn Văn Gi

là người quảng cáo, liên hệ, tìm người cần vay tiền để bị cáo Nguyễn Văn T cho vay. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2023, hai bị cáo đã cho 23 người vay tiền được xác định như trong cáo trạng, với lãi suất vay 4.000 – 6.243 đồng/1 Tr/ngày. Số tiền gốc cho vay 1.076.700.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Gi xác định T bộ số tiền gốc, T bộ lãi bị cáo Nguyễn Văn Gi thu và người vay trả đều giao lại cho bị cáo Nguyễn Văn T. Hiện bị cáo T đã quản lý 1.015.400.000 đồng tiền gốc; Bị cáo Nguyễn Văn Gi giao nộp cho cơ quan Công an 550.000 đồng tiền gốc; Tổng tiền lãi đã thu là 215.400.000 đồng và các khoản phí đã thu gồm chậm trả nợ gốc 950.000 đồng, phí đơn đốc trả nợ 9.100.000 đồng; Tổng tiền lãi và phí đã thu là 225.450.000 đồng, trong đó bị cáo Nguyễn Văn Gi được hưởng 84.000.000 trích từ số tiền thu lợi bất chính còn lại bị cáo Nguyễn Văn T đang quản lý tiền lãi. Cả hai bị cáo đều xác định quá trình điều tra, truy tố và tính đến thời điểm xét xử những người vay còn nợ gốc chưa ai trả thêm cho các bị cáo khoản nào; số tiền lãi thu vượt quá quy định các bị cáo đều chưa trả cho người vay nào. Hai bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, điều luật Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo; Nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Gi đều là những người biết rõ quy định của Nhà nước về lãi suất cho vay nhưng vì hám lợi các bị cáo đã cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất vay từ 4.000 – 6.243 đồng/1 Tr/ngày, vượt quá 5 lần mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của 23 người vay tiền của bị cáo, phù hợp với biên bản về việc kiểm tra điện thoại, Bản ảnh chụp màn hình điện thoại di tin động nhãn hiệu Iphone XSmax của bị cáo Nguyễn Văn Gi; Biên bản giao nhận tài liệu do Công an tỉnh Thái Bình L hỏi 09 giờ 45 phút ngày 14/12/2023: bị cáo Nguyễn Văn Gi giao nộp các giấy tờ cá nhân đã giữ của người vay tiền; Biên bản làm việc giữa bị cáo Nguyễn Văn Gi và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc thống nhất các khoản vay; Tài liệu in sao kê chi tiết giao dịch của Ngân

hàng MBbank, chi nhánh Thái Bình đối với tài khoản số 9110191929999, chủ tài khoản Nguyễn Văn Gi, từ ngày 01/01/2023 đến ngày 05/12/2023; Công văn cung cấp thông tin và tài liệu in sao kê chi tiết giao dịch của Ngân hàng Viettinbank đối với tài khoản số 0902633235, chủ tài khoản Nguyễn Văn Sơn, sinh ngày 20/3/1965, địa chỉ: U18 Lam Sơn, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, từ ngày 01/3/2023 đến ngày 14/12/2023; Công văn cung cấp thông tin và tài liệu in sao kê chi tiết giao dịch của Ngân hàng Techcombank đối với tài khoản số 19050015425014, chủ tài khoản Nguyễn Văn Sơn, sinh ngày 20/3/1965, địa chỉ: U18 Lam Sơn, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, từ ngày 01/3/2023 đến ngày 14/12/2023 (Bút lục số: 333 đến 391); Biên bản ghi lời khai 23 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị H; anh Phan Hồng Th; anh Chu Văn Ph; chị Phạm Thị Nh; chị Vũ Thị ET; chị Phan Thị Nh; chị Đặng Thị Th; anh Nguyễn Văn D; chị Nguyễn Thị Tr; chị Đoàn Thị H; anh Tạ Thanh T; chị Đoàn Thị S; anh Đặng M T; anh Vú Văn Q; chị Tô Thị Hồng T; anh Phạm Đắc M; chị Trần Thị L, anh Đinh Văn Nh; chị Vũ Thị K; chị Đào Thị D; anh Nguyễn Văn Tr; anh Nguyễn Tử L; anh Nguyễn Văn Kh; và T bộ các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Có đủ chứng cứ để xác định: Từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2023, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Gi đã cho 23 người trên địa bàn huyện Thái Thụy, Tiền Hải, Kiến Xương và thành phố Thái Bình vay tiền (gồm: bà Lê Thị H, anh Phan Hồng Th, anh Chu Văn Ph, chị Phạm Thị Nh, chị Vũ Thị ET, chị Phan Thị Nhân, chị Đặng Thị Th, anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị Tr, chị Đoàn Thị H, anh Tạ Thanh T, chị Đoàn Thị S, anh Đặng M Tiến, anh Vú Văn Q, chị Tô Thị Hồng T, anh Phạm Đắc M, anh Đinh Văn Nh, chị Vũ Thị K, chị Đào Thị D, anh Nguyễn Văn Tr, anh Nguyễn Tử L, anh Nguyễn Văn Kh). Tổng số tiền đã cho vay là 1.076.700.000 đồng; lãi suất từ 4.000 đồng đến 6.243 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất từ 146 đến 227,9%/năm, gấp quá 5 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Thu tổng số tiền lãi là 215.400.000 đồng và các loại phí khác: phạt chậm trả nợ gốc là 950.000 đồng, phí thu tiền (đôn đốc trả nợ) là 9.100.000 đồng. Tổng số tiền lãi và phí đã thu là của người vay là 225.450.000 đồng, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là **29.225.866 đồng**, số tiền thu lợi bất chính là **196.224.124 đồng**. Có đủ căn cứ để xác định hành vi của hai bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về lĩnh vực tín dụng, phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã

bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Gi đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Gi đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T có ông nội Nguyễn Đình Viên là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng Huân chương kháng chiến nên cho bị cáo Nguyễn Văn T hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Văn T là người cung cấp nguồn tiền cho vay, hưởng phần lớn lợi bất chính giữ vai trò chính, bị cáo Nguyễn Văn Gi là người giúp cho bị cáo T quảng cáo, liên hệ, tìm người cần vay tiền, hưởng lợi bất chính ít hơn nên vai trò thấp hơn bị cáo T.

[5] Hai bị cáo thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với nhiều người ở nhiều xã trên địa bàn huyện Thái Thụy, Tiền Hải, Kiến Xương và thành phố Thái Bình nên cần thiết phải áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt tù giam đối với các bị cáo để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Các bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Căn cứ vào mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu mức hình phạt phạt cao hơn bị cáo Nguyễn Văn Gi.

[6] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 hướng dẫn về việc xét xử về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, xử:

[6.1] Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tiền số tiền gốc các bị cáo dùng để cho vay là 1.076.700.000 đồng, trong đó gồm: Số tiền gốc bị cáo Nguyễn Văn Gi đã thu về là 1.015.950.000 đồng (bị cáo T nhận là 1.015.400.000 đồng, bị cáo Gi nộp 550.000 đồng cho cơ quan công an); số tiền gốc những người vay còn đang giữ là 60.750.000 đồng gồm: Bà Lê Thị H 5.000.000 đồng, anh Chu Văn Ph còn nợ gốc 11.200.000 đồng do bị cáo T còn giữ 1.000.000 đồng tiền cọc nên anh Ph phải nộp 10.200.000 đồng; chị Phạm Thị Nh còn nợ gốc 1.500.000 đồng do bị cáo T còn giữ 300.000 đồng tiền cọc nên

chị Nh còn phải nộp 1.200.000 đồng, chị Đặng Thị Th còn nợ gốc 9.900.000 đồng do bị cáo T còn giữ 300.000 đồng cọc nên chị Th còn phải nộp 9.600.000 đồng; anh Nguyễn Văn D còn nợ gốc 4.000.000 do bị cáo T còn giữ 500.000 đồng tiền cọc nên anh D còn phải nộp 3.500.000 đồng; chị Nguyễn Thị Tr phải nộp nợ gốc 600.000 đồng, chị Đoàn Thị H còn nợ gốc 15.000.000 đồng do bị cáo T còn giữ 500.000 cọc nên chị Hoà còn phải nộp 14.500.000 đồng; anh Đinh Văn Nh còn nợ gốc 250.000 đồng do bị cáo T còn giữ 100.000 đồng cọc nên anh Nhân còn phải nộp 150.000 đồng; chị Đào Thị D còn nợ gốc 5.000.000 do bị cáo T còn giữ 500.000 đồng cọc nên chị Dinh còn phải nộp 4.500.000 đồng; anh Nguyễn Văn Tr còn nợ gốc 7.000.000 đồng do bị cáo T còn nợ giữ 250.000 đồng cọc nên anh Tr còn phải nộp 6.750.000 đồng; anh Nguyễn Văn Kh còn nợ gốc 5.000.000 đồng do bị cáo T còn giữ 250.000 đồng cọc nên anh Khiêm còn phải nộp 4.750.000 đồng; Do số tiền gốc đồng bị cáo Nguyễn Văn Gi thu về đã giao lại T bộ cho bị cáo Nguyễn Văn T nên bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp số tiền 1.015.400.000 đồng gốc để sung vào ngân sách nhà nước; số tiền 550.000 là tiền gốc cho vay do bị cáo Nguyễn Văn Gi giao nộp cho cơ quan Công an hiện đang quản lý tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Thái Thụy tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

[6.2] Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền lãi tính theo mức lãi suất 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là **29.225.866 đồng** bị cáo Nguyễn Văn T đang quản lý gồm số tiền số tiền đã thu của những người vay sau: bà Lê Thị H 890.411 đồng, anh Phan Hồng Th 342.466 đồng; anh Chu Văn Ph 958.904 đồng; chị Phạm Thị Nh 1.232.877 đồng; chị Vũ Thị ET 684.932 đồng; chị Phan Thị Nh 1.369.864 đồng; Chị Đặng Thị Th 4.246.575 đồng; anh Nguyễn Văn D 5.616.438 đồng; Chị Nguyễn Thị Tr 821.918 đồng; chị Đoàn Thị H 5.205.479 đồng; anh Tạ Thanh T 175.342 đồng; chị Đoàn Thị S 273.973 đồng; anh Đặng M T 410.959 đồng; anh Vú Văn Q 684.932 đồng; chị Tô Thị Hồng T 821.918 đồng; anh Phạm Đắc M 1.064.219 đồng; chị Trần Thị L 273.973 đồng; anh Đinh Văn Nh 1.480.822 đồng; chị Vũ Thị Kiềm 410.959 đồng; chị Đào Thị D 438.356 đồng; anh Nguyễn Văn Tr 684.932 đồng; anh Nguyễn Tử L 2.054.795 đồng; anh Nguyễn Văn Kh 342.466 đồng.

[6.3] Buộc các bị cáo phải nộp số tiền **196.224.124 đồng** (trong đó bị cáo Nguyễn Văn T **112.224.124 đồng**, bị cáo Nguyễn Văn Gi 84.000.000 đồng) để trả lại tiền thu lợi bất chính cho những người vay tiền, gồm: Trả cho bà Lê Thị H 5.909.589 đồng; Trả cho anh **Phan Hồng Th 2.257.534 đồng**; Trả cho anh Chu Văn Ph 6.341.096 đồng; Trả cho chị Phạm Thị Nh 8.217.123 đồng; Trả cho chị Vũ Thị ET 4.615.068 đồng; Trả cho chị Phan Thị Nh 9.030.136 đồng; Trả cho chị Đặng Thị Th các lần thu lợi bất chính 28.453.425 đồng; Trả cho anh Nguyễn Văn D các lần thu lợi bất chính 37.983.562 đồng; Trả cho chị Đặng Thị Trang 5.428.082 đồng; Trả cho chị Đoàn Thị H các lần thu lợi bất chính 34.594.521 đồng; trả cho anh Tạ Thanh T 1.524.658 đồng; Trả cho chị Đoàn Thị S 2.326.027 đồng; trả cho anh Đặng M T 2.689.041 đồng; Trả cho anh Vú

Văn Q 4.515.068 đồng; Trả cho chị Tô Thị Hồng T 5.178.082 đồng; Trả cho anh Phạm Đắc M 7.585.781 đồng; Trả cho chị Trần Thị L 1.826.027 đồng; **Trả cho anh Đinh Văn Nh 1.480.822 đồng**; Trả cho chị Vũ Thị K 2.739.041 đồng; Trả cho chị Đào Thị D 3.761.635 đồng; Trả cho anh Nguyễn Văn Tr 4.515.068 đồng; Trả cho anh Nguyễn Tử L 12.945.204 đồng; Trả cho anh Nguyễn Văn Kh 2.307.534 đồng.

[7]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

[7.1] Số tiền 550.000 đồng (06 tờ tiền, gồm: 05 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng bị cáo Gi khai đây là tiền của anh Đinh Văn Nh, chị Trần Thị L trả góp tiền nợ gốc, bị cáo chưa chuyển cho bị can T (đã áp dụng biện pháp tư pháp tịch thu sung vào ngân sách nhà nước nêu tại mục [6.1])

[7.2] Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc nhãn hiệu Nokia, lắp sim số 0355.067.266; 01 chiếc nhãn hiệu Iphone XS Max, lắp sim số 0347138883) là hai điện thoại bị cáo Nguyễn Văn Gi khai sử dụng để liên lạc cho vay tiền.

[7.3] Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Gi 01 thẻ Ngân hàng Mbbank, số thẻ 9704222057718363 thuộc quyền sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn Gi.

[8] Các vấn đề khác của vụ án:

[8.1] Công an tỉnh Thái Bình quản lý của bị cáo Nguyễn Văn Gi 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, biển kiểm soát 17B1-294.93 và 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 0047305 mang tên Nguyễn Văn Hợp, địa chỉ: xóm 2, xã Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Bị cáo Gi khai mua lại chiếc xe này của một người dân tại khu vực chợ Lục, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy để làm Ph tiện đi lại nhưng đã làm mất Giấy đăng ký xe và giấy mua bán xe. Kết quả điều tra xác định chiếc xe này đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Đình Cương, địa chỉ: thôn Mỹ Lộc 1, xã Việt Hùng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; ông Cương và gia đình vắng mặt tại địa Ph, chính quyền địa Ph không biết ông Cương đang sinh sống ở đâu; xác M tại thôn xóm 2, xã Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nhưng không có công dân nào tên Nguyễn Văn Hợp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy tiếp tục quản lý chiếc xe mô tô và Giấy đăng ký xe để xác M, làm rõ là đúng quy định

[8.2] Quá trình điều tra xác định, trong danh bạ điện thoại của bị cáo Nguyễn Văn Gi có lưu tên 12 người khác (gồm anh Tô Xuân Đức, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố Tiền Phong, thị trấn Tiền Hải; chị Tô Lan Hương, sinh năm 2002, trú tại tổ dân phố Hồng Phong, thị trấn Tiền Hải, chị Vũ Thị Quý, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố Nam Sơn, thị trấn Tiền Hải; bà Tô Thị H, sinh năm 1966, trú tại tổ dân phố Trung Sơn, thị trấn Tiền Hải; chị Nguyễn Thị Loan, sinh năm 1971, trú tại thôn Lương Phú, xã Tây Lương, huyện Tiền Hải; ông Đoàn Đình Phô, sinh năm 1971, trú tại thôn Nho Lâm Tây,

xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải; ông Phạm Ngọc Vĩnh, sinh năm 1979, trú tại thôn Lạc Thành Bắc, xã Tây Ninh, huyện Tiền Hải; chị Đỗ Thị Nụ, sinh năm 1988, trú tại thôn Đông Hoàng, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải; ông Trần Xuân An, sinh năm 1987, trú tại xã An Ninh, huyện Tiền Hải, ông Lưu Đức Vĩnh, sinh năm 1999, trú tại thôn Vũ Công, xã H An, huyện Thái Thụy; bà Lê Thị Rơi, sinh năm 1966, trú tại thôn Kim Bàng, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy; anh Tạ Đức Trí, sinh năm 1979, trú tại thôn Lễ Thần Đông, xã H An, huyện Thái Thụy). Bị cáo Gi khai: T và Gi có cho những người này vay. tiền. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy đã ghi lời khai của 12 người này nhưng đều khẳng định không vay tiền của T và Gi (riêng ông Trí trình bày có vay tiền của Gi nhưng không phải trả lãi). Ngoài lời khai của bị cáo Gi, không có tài liệu nào khác chứng M nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý với các khoản vay này là đúng quy định.

[8.3] Bị cáo Nguyễn Văn Gi khai cho 06 người khác vay tiền (gồm: bà Đỗ Thị Yên, sinh năm 1977, trú tại thôn An Cư, xã Đông Xuyên, huyện Tiền Hải; chị Lê Thị Thủy, sinh năm 1972, trú tại thôn Hải Long, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải; anh Vũ Văn Hào, sinh năm 1993, trú tại thôn Nghĩa, xã Tây Lương, huyện Tiền Hải; bà Vũ Thị Bình, sinh năm 1967, trú tại thôn Lạc Thiện, xã Đông Phong, huyện Tiền Hải; chị Bùi Thị Gi, sinh năm 1998, trú tại thôn Tuấn Nghĩa, xã Thuận Thành; anh Nguyễn Văn Luyện, sinh năm 1993, trú tại thôn 3 Đông Hồ, xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy. Những người này đều vắng mặt tại địa Ph, không xác định được đang ở đâu nên Cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai của họ. Đối với 14 cá nhân khác: trong danh bạ điện thoại của bị cáo Gi chỉ ghi thông tin họ và tên, không có thông tin địa chỉ cụ thể. Cơ quan điều tra đã có văn bản thông báo truy tìm người liên quan đến vụ án nhưng không có kết quả.

[8.4] Đối với Bùi Đức Thuận, sinh năm 1995, trú tại tổ 16, phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Bị cáo T và bị cáo Gi khai: tháng 7/2023, T thuê Thuận đi cùng với Gi đến địa bàn tỉnh Thái Bình quảng cáo, liên hệ, tìm người cần vay tiền nhưng Thuận không làm được việc, tự nghỉ việc; T chưa trả tiền công cho Thuận. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy đã Tr tập Thuận để làm việc nhưng gia đình Thuận đã bán nhà, chuyển đi nơi khác sinh sống, không báo chính quyền địa Ph nên không xác định được Thuận đang ở đâu. Cơ quan điều tra tách hành vi của Thuận để tiếp tục xác M, xử lý.

[8.5] Các bị cáo đã sử dụng tài khoản số 0902633235 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Ngân hàng Viettinbank) hoặc tài khoản số 19050015425014 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Ngân hàng Techcombank), mang tên Nguyễn Văn Sơn, địa chỉ: U18 Lam Sơn, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng để giao dịch nhận tiền cho vay, qua xác M và qua lời khai của các bị cáo và lời khai của ông Nguyễn Văn Sơn xác định ông Nguyễn

Văn Sơn cho bị cáo Nguyễn Văn T nhờ mở tài khoản và tự sử dụng tài khoản cá nhân không biết các bị cáo sử dụng vào việc cho vay lãi nặng nên không xử lý đối với ông Nguyễn Văn Sơn.

[9] Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Gi phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, (đối với bị cáo Nguyễn Văn T áp dụng thêm khoản 2) Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47, Điều 48, Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn xét xử vụ án về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Gi phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 1 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T 40.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Gi 9 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời hạn tạm giam (từ ngày 16/12/2023 đến ngày 17/3/2024). Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn Gi 30.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước

3. Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tiền số tiền gốc các bị cáo dùng để cho vay là 1.076.700.000 đồng, trong đó gồm: Số tiền tịch thu từ bị cáo Nguyễn Văn T là 1.015.400.000 đồng; Số tiền tịch thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 60.750.000 đồng gồm: Bà Lê Thị H 5.000.000 đồng, anh Chu Văn Ph 10.200.000 đồng; chị Phạm Thị Nh 1.200.000 đồng, chị Đặng Thị Th 9.600.000 đồng; anh Nguyễn Văn D 3.500.000 đồng; chị Nguyễn Thị Tr 600.000 đồng, chị Đoàn Thị H 14.500.000 đồng; anh Đinh Văn Nh 150.000 đồng; chị Đào Thị D 4.500.000 đồng; anh Nguyễn Văn Tr 6.750.000 đồng; anh Nguyễn Văn Kh 4.750.000 đồng và số tiền 550.000 là tiền gốc cho vay do bị cáo Nguyễn Văn Gi giao nộp.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Nguyễn Văn T số tiền lãi tính theo mức lãi suất 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là 29.225.866 đồng bị cáo đã thu của những người vay sau: Bà Lê Thị H 890.411 đồng, anh Phan Hồng Th 342.466 đồng; anh Chu Văn Ph 958.904 đồng; chị Phạm Thị Nh 1.232.877 đồng; chị Vũ Thị ET 684.932 đồng; chị Phan Thị Nh 1.369.864 đồng; Chị Đặng Thị Th 4.246.575 đồng;

anh Nguyễn Văn D 5.616.438 đồng; Chị Nguyễn Thị Tr 821.918 đồng; chị Đoàn Thị H 5.205.479 đồng; anh Tạ Thanh T 175.342 đồng; chị Đoàn Thị S 273.973 đồng; anh Đặng M T 410.959 đồng; anh Vú Văn Q 684.932 đồng; chị Tô Thị Hồng T 821.918 đồng; anh Phạm Đắc M 1.064.219 đồng; chị Trần Thị L 273.973 đồng; anh Đinh Văn Nh 1.480.822 đồng; chị Vũ Thị Kiềm 410.959 đồng; chị Đào Thị D 438.356 đồng; anh Nguyễn Văn Tr 684.932 đồng; anh Nguyễn Tử L 2.054.795 đồng; anh Nguyễn Văn Kh 342.466 đồng.

- Buộc các bị cáo phải nộp số tiền 196.224.124 đồng (trong đó bị cáo Nguyễn Văn T 112.164.137 đồng, bị cáo Nguyễn Văn Gi 84.000.000 đồng) để trả lại tiền thu lợi bất chính cho những người vay tiền, gồm: Trả cho bà Lê Thị H 5.909.589 đồng; Trả cho anh Phan Hồng Th 2.257.534 đồng; Trả cho anh Chu Văn Ph 6.341.096 đồng; Trả cho chị Phạm Thị Nh 8.217.123 đồng; Trả cho chị Vũ Thị ET 4.615.068 đồng; Trả cho chị Phan Thị Nh 9.030.136 đồng; Trả cho chị Đặng Thị Th các lần thu lợi bất chính 28.453.425 đồng; Trả cho anh Nguyễn Văn D các lần thu lợi bất chính 37.983.562 đồng; Trả cho chị Đặng Thị Trang 5.428.082 đồng; Trả cho chị Đoàn Thị H các lần thu lợi bất chính 34.594.521 đồng; trả cho anh Tạ Thanh T 1.524.658 đồng; Trả cho chị Đoàn Thị S 2.326.027 đồng; trả cho anh Đặng M T 2.689.041 đồng; Trả cho anh Vú Văn Q 4.515.068 đồng; Trả cho chị Tô Thị Hồng T 5.178.082 đồng; Trả cho anh Phạm Đắc M 7.585.781 đồng; Trả cho chị Trần Thị L 1.826.027 đồng; Trả cho anh Đinh Văn Nh 1.480.822 đồng; Trả cho chị Vũ Thị K 2.739.041 đồng; Trả cho chị Đào Thị D 3.761.635 đồng; Trả cho anh Nguyễn Văn Tr 4.515.068 đồng; Trả cho anh Nguyễn Tử L 12.945.204 đồng; Trả cho anh Nguyễn Văn Kh 2.307.534 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 550.000 là tiền gốc cho vay do bị cáo Nguyễn Văn Gi giao nộp (tiền gốc cho vay);

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc nhãn hiệu Nokia, lắp sim số 0355.067.266; 01 chiếc nhãn hiệu Iphone XS Max, lắp sim số 0347138883) là hai điện thoại bị cáo Nguyễn Văn Gi khai sử dụng để liên lạc cho vay tiền.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Gi 01 thẻ Ngân hàng Mbbank, số thẻ 9704222057718363 thuộc quyền sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn Gi.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy)

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Gi mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Gi có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình
- Công an huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan;

- Sở tư pháp Thái Bình;
- Cơ quan THA hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Lan

